

ĐỀ TÀI

**“Tình hình sản xuất cây đậu tương
ở tỉnh Sơn La”**



PHẦN A: MỞ ĐẦU.....Error: Reference source not found

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....Error: Reference source not found

II. MỤC ĐÍCH.....Error: Reference source not found

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....Error: Reference source not found

PHẦN B: NỘI DUNG.....Error: Reference source not found

CHƯƠNG I: CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY ĐẬU TƯƠNG.Error: Reference source not found

KINH TẾ - XÃ HỘI.....Error: Reference source not found

1. Cung cấp lương thực thực phẩm cho người và làm thức ăn cho gia súc.....Error: Reference source not found

2. Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu:..Error: Reference source not found

3. Vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường sinh thái.....Error: Reference source not found

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA CÂY ĐẬU TƯƠNG.....Error: Reference source not found

III. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤTError: Reference source not found

CÂY ĐẬU TƯƠNG.....Error: Reference source not found

1. Thị trường.....Error: Reference source not found

2. Các yếu tố tự nhiên.....Error: Reference source not found

3. Tiến bộ khoa học - công nghệ.....Error: Reference source not found

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY ĐẬU TƯƠNG Ở.....Error: Reference source not found

I. VỀ DIỆN TÍCH.....Error: Reference source not found

II. VỀ SẢN LƯỢNG.....Error: Reference source not found

III. VỀ NĂNG SUẤT.....Error: Reference source not found

IV. CÁC GIỐNG ĐẬU TƯƠNG THÍCH HỢP.....Error: Reference source not found

V. ĐẤT ĐAI, ĐỊA HÌNH.....Error: Reference source not found

VI. LOẠI ĐẤT GIEO TRỒNG.....Error: Reference source not found

[VII. VỤ GIEO TRỒNG, LUÂN CANH VÀ CÁCH XEN CANH GỒI VỤ TĂNG NĂNG SUẤT.](#)
[Error: Reference source not found](#)

[CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐẬU TƯƠNG Ở TỈNH SƠN LA.](#)
[Error: Reference source not found](#)

[PHẦN C: KẾT LUẬN.](#)
[Error: Reference source not found](#)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO](#) **Error: Reference source not**

foundPHẦN A: MỞ ĐẦU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Cây đậu tương là cây công nghiệp, cây thực phẩm chiến lược có giá trị đối với đời sống con người. Khó có thể tìm ra loại cây trồng nào có tác dụng nhiều mặt như cây đậu tương cung cấp thực phẩm cho người, nguyên liệu cho công nghiệp, thức ăn cho gia súc và là cây làm giàu đất. Do đó, hiện nay cây đậu tương không chỉ được trồng trong vụ xuân như một cây trồng phụ mà nó đã trở thành cây trồng chính trong vụ hè của những vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, có thể thay thế hẳn cho vụ lúa mùa, trên các chân đất loại B (nếu trồng lúa thì bị cao hạn, trồng ngô thì quá úng mà năng suất của cả lúa và ngô đều thấp). Và rất phù hợp với các công thức luân canh 3 vụ/năm.

Đậu tương được gieo trồng phổ biến trên cả 7 vùng sinh thái trong cả nước. Trong đó, vùng Trung du miền núi phía Bắc là nơi có diện tích gieo trồng đậu tương nhiều nhất 69425 ha chiếm 37,10% tổng diện tích đậu tương của cả nước và cũng là nơi có năng suất thấp nhất chỉ đạt 10,30 tạ/ha (Cục Trồng Trọt, 2006). Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến năng suất đậu tương ở trung du miền núi thấp như chưa có bộ giống tốt phù hợp, mức đầu tư thấp, các biện pháp kỹ thuật canh tác chưa hợp lý. Trong các yếu tố hạn chế trên thì giống và biện pháp kỹ thuật là yếu tố cản trở chính đến năng suất đậu tương.

Sơn La là một tỉnh miền núi cao thuộc trung du Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên là 14.055 km², chiếm 4,27% tổng diện tích cả nước, địa hình của tỉnh mang tính chất đồi núi thấp, có độ cao trung bình khoảng 600 - 700m so với mực nước biển. Các hệ thống núi lớn trong tỉnh đều chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và cùng với dải Hoàng Liên Sơn ở phía Bắc kẹp lấy một dải cao nguyên đá vôi ở giữa. Địa hình núi cao xen lẫn cao nguyên này đã chia lãnh thổ Sơn La thành hai lưu vực sông lớn là lưu vực sông Đà và lưu vực sông Mã.

Điểm đặc biệt của địa hình Sơn La là độ dốc lớn và mức độ chia cắt sâu, chia cắt ngang mạnh. Trên 87% diện tích đất tự nhiên của tỉnh có độ dốc từ 25° trở lên. Điều này làm cho các

đồng ruộng của tỉnh rất nhỏ hẹp, chủ yếu là ruộng bậc thang. Sơn La cũng là tỉnh có diện tích đất trồng đồi trọc khá lớn, chiếm gần 50% diện tích tự nhiên của tỉnh.

Sơn La có khí hậu nhiệt đới gió mùa chí tuyến của vùng núi phía Bắc. Tuy nhiên, đai khí hậu của Sơn La cũng có những nét đặc thù. Nhờ dãy Hoàng Liên Sơn chắn gió nên gió mùa Đông Bắc cùng các frông cực đới không ảnh hưởng trực tiếp đến vùng. Vì vậy, đặc điểm quan trọng nhất của khí hậu Sơn La là có một mùa đông tương đối ấm và suốt mùa đều có tình trạng khô hanh điển hình của khí hậu gió mùa.

Do địa hình cao nên khí hậu mang tính chất á nhiệt đới rõ rệt với nhiệt độ nóng nhất là khoảng 25°C và nhiệt độ lạnh nhất khoảng 14°C. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 21°C. Chế độ nhiệt thay đổi theo mùa và phân hoá theo độ cao. Lượng mưa trung bình hàng năm 1.200 - 1.600mm, trung bình hàng năm có 123 ngày mưa, độ ẩm không khí bình quân là 81%.

Địa hình bị chia cắt sâu và mạnh, hình thành nhiều tiểu vùng khí hậu cho phép phát triển một nền sản xuất nông - lâm nghiệp phong phú. Tuy nhiên, tỉnh cũng thường xảy ra tình trạng sương muối, mưa đá, lũ quét. Đây cũng là những nhân tố gây bất lợi cho sản xuất, đời sống.

Xuất phát từ thực trạng trên đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại **“Tình hình sản xuất cây đậu tương của tỉnh Sơn La”** và so sánh với tình hình sản xuất cây đậu tương chung của cả nước.

II. MỤC ĐÍCH.

Đánh giá thực trạng tình hình sản xuất đậu tương của tỉnh Sơn La, phân tích những lợi thế, khó khăn tồn tại chính ảnh hưởng đến phát triển sản xuất đậu tương ở các huyện trong tỉnh. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất đậu tương và xem xét khả năng chuyên môn hóa cây đậu tương của tỉnh trong những năm tới.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.

Đối tượng nghiên cứu chính là việc sản xuất đậu tương và những vấn đề có liên quan tác động đến sản xuất. Phạm vi nghiên cứu là toàn tỉnh Sơn La và so sánh với tình hình sản xuất của cả nước.

PHẦN B: NỘI DUNG

CHƯƠNG I: CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY ĐẬU TƯƠNG.

I. VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT ĐẬU TƯƠNG TRONG NỀN

KINH TẾ - XÃ HỘI.

1. Cung cấp lương thực thực phẩm cho người và làm thức ăn cho gia súc.

Đậu tương chứa nhiều đạm với tỷ lệ khá cao, có đầy đủ chất béo và đường. Tỷ lệ các chất dinh dưỡng trong 100g của đậu tương chứa các thành phần như sau: Protein 33,8%, Lipid 20%, Glucid 28%, cung cấp số nhiệt lượng là 490 calo. Ngoài ra đậu tương có rất nhiều Vitamin như Vitamin A, B1, B2, B9, D, E và các khoáng chất như Canxi, sắt, magie, photpho, kali, natri, kẽm.

Phần lớn các món ăn của người dân Châu Á đều được chế biến từ các loại đậu như: tương, đậu phụ, xì dầu, sữa. Cùng với sự phát triển của công nghệ thì đậu tương trở thành nguồn prôtêin và chất bổ trong các món ăn đa dạng của người dân, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. Theo các nhà nghiên cứu thì nhu cầu prôtêin để tiêu của một người bình thường là 0,75kg/ngày. Nếu sử dụng tăng cường nguồn prôtêin từ đậu tương thì có thể làm giảm đi đáng kể lượng tiêu thụ các hạt ngũ cốc như lúa mì, ngô, lúa gạo mà vẫn đảm bảo dinh dưỡng chất lượng cao.

Về chất lượng dinh dưỡng của đậu tương có thể so sánh với chất lượng prôtêin của thịt, cá, trứng và sữa. Ngày nay, trong bữa ăn hàng ngày của người dân Châu Á thì đậu tương đóng một vai trò rất quan trọng. Sản xuất đậu tương được Nhà nước hỗ trợ và sản phẩm được đưa về các trường học, bệnh viện.

Ở Việt Nam, cây đậu tương được coi là cây trồng truyền thống và là nguồn thực phẩm quý giá cho người và thức ăn gia súc. Tất cả các sản phẩm chế biến từ đậu tương được sử dụng

như là nguồn thực phẩm quan trọng trong bữa ăn hàng ngày. Chính phủ (Nhà nước) Việt Nam với nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và vai trò của nó đã đặt sự phát triển của đậu tương là cây thực phẩm đứng thứ hai sau cây lạc vào trong chính sách phát triển lâu dài. Mặc dù trong hơn 20 năm qua (1980), sản lượng đậu tương cả nước có sự gia tăng đáng kể, tốc độ tăng bình quân 7,7%/năm, tuy vậy vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho người dân và gia súc.

Ngày nay người ta còn biết thêm trong hạt đậu tương có chất Lecxithin có tác dụng làm cho cơ thể trẻ lâu, tăng trí nhớ và tái sinh các mô, làm cứng xương và tăng sức đề kháng của cơ thể. Dầu đậu tương cũng là nguồn thực phẩm có giá trị cao, dùng dầu thay mỡ động vật có thể tránh được xơ vữa động mạch.

Đậu tương góp phần tích cực vào việc phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, năng suất cao, bột đậu tương bổ sung thêm nhiều axit amin cho ngành chăn nuôi. Ngoài ra, người ta còn dùng đậu tương kết hợp với những thực phẩm khác tạo thành thuốc bổ cho trẻ em.

2. Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu:

Đậu tương là nguồn nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp chế biến, tạo ra những sản phẩm đa dạng, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng các sản phẩm đậu tương và khả năng sử dụng lao động trong sản xuất. Công nghiệp chế biến có thể ở quy mô nhỏ và có thể quy mô lớn. Quy mô nhỏ thường là chế biến ở phạm vi địa phương để đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho người dân địa phương, các sản phẩm thường mang tính truyền thống của mỗi vùng. Ví dụ: Đậu phụ Khoái Châu... Còn với công nghiệp chế biến với quy mô lớn như: Chế biến thực phẩm cho người: Bột dinh dưỡng cho trẻ em, hay công nghiệp chế biến dầu và chế biến thức ăn chăn nuôi. Các sản phẩm chế biến từ quy mô lớn này được sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp phục vụ nhu cầu địa phương, trong nước và cũng có thể xuất khẩu.

Ở Việt Nam đậu tương được sử dụng phổ biến trong nhân dân, được chế biến thành nhiều loại thực phẩm khác nhau như tương, đậu phụ, cháo, sữa đậu nành. Việc chế biến thường phổ biến ở các thôn, xã và nông hộ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường tại chỗ của người dân địa phương. Từ hạt đậu tương người ta có thể chế biến ra khoảng 600 sản phẩm khác nhau bằng các phương pháp cổ truyền, thủ công hoặc hiện đại. Hiện nay, chúng ta đã có nhiều nhà máy chế biến quy mô lớn sử dụng đậu tương làm nguyên liệu như: Nhà máy bột dinh dưỡng Nam Định, Nhà máy Hoàng Mai. Dùng làm nguyên liệu để chế biến dầu thực vật như: Nhà máy dầu Tường An, Tân Bình, Thủ Đức. Tuy nhiên, nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy phần lớn đang phải

nhập ngoại do nguyên liệu trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu cả về giá cả, chất lượng và cả số lượng.

3. Vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Vai trò của cây đậu tương trong bảo vệ, cải tạo đất và môi trường sinh thái đã được rất nhiều nhà nghiên cứu của các nước thừa nhận. Là cây quan trọng trong các hệ thống luân canh là một trong những biện pháp quan trọng nhất nhằm duy trì độ ẩm và chất hữu cơ trong đất, bảo vệ đất khỏi xói mòn. Mặt khác nữa luân canh cây đậu tương với cây ngũ cốc sẽ có tác dụng phá vỡ sự độc canh cây lương thực, cắt đứt sự lây lan nguồn bệnh ở đất từ vụ trước sang vụ sau, giảm thiệt hại do sâu bệnh gây ra.

Vai trò cải tạo đất của đậu tương trong hệ thống trồng trọt đã được khẳng định bởi rất nhiều nhà nghiên cứu. Và đã được kết luận rằng phải gieo trồng cây họ đậu nhất là ở đất có thành phần cơ giới nhẹ, không chỉ nhằm thu hoạch chúng mà còn mang lại lợi ích cho các cây trồng ở vụ sau. Trong rễ cây họ đậu có vi khuẩn cộng sinh trong các nốt sần có khả năng cố định đạm trong đất, khí trời nên chúng có làm giảm yêu cầu về phân đạm của các cây trồng khác trong hệ thống luân canh. Trong điều kiện đất đai thuộc vùng nhiệt đới, cây họ đậu có thể cố định khoảng 300kg đạm/ha/vụ. Họ cũng chỉ ra rằng luân canh giữa đậu tương và các cây trồng khác sẽ có tác dụng cải tạo độ phì nhiêu của đất. Sau khi thu hoạch, hệ thống rễ và thân lá giữa của cây đậu tương để lại một lượng đạm và chất hữu cơ đáng kể cho đất góp phần tích cực vào việc nâng cao độ phì của đất.

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa trải dài gần 20 vĩ tuyến với những điều kiện sinh thái khác nhau. Các cây thực phẩm như lạc, đậu tương, đậu xanh là những cây truyền thống mà ông cha ta đã truyền từ lâu ở những vùng khí hậu đất đai khác nhau. Trong đó việc trồng cây đậu tương là nhằm mục đích thực phẩm và cải tạo đất đai được coi là chiến lược quan trọng trong phát triển nông nghiệp. Trồng xen, trồng gối đậu tương với các cây lương thực như ngô, khoai, sắn là hình thức thâm canh quen thuộc đặc biệt là trên những vùng đất cao, trung du miền núi phía Bắc. Những thí nghiệm ngoài đồng đã tiến hành ở vùng núi phía Bắc từ 1982 - 1987 của trường Đại Học Nông Nghiệp 3 Thái Nguyên đã chỉ ra rằng: Cây đậu tương nếu được trồng xen với các cây sắn, ngô không những mang lại hiệu quả kinh tế cao mà còn cải tạo độ phì của đất và chống xói mòn trên đất dốc.

Theo điều tra trên quy mô lớn ở Trung du và miền núi phía Bắc nước ta về việc đa canh cây dài ngày và ngắn ngày trên cơ sở Nông - Lâm kết hợp mang lại tính chất bền vững rất cao

cho các hệ sinh thái vùng đất dốc. Và một trong những mô hình đó là mô hình trồng đậu tương xen giữa các hàng cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày ở giai đoạn đầu chưa khép tán sẽ có tác dụng giảm xói mòn và tăng thu nhập cho người dân.

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA CÂY ĐẬU TƯƠNG.

Cây đậu tương có thời gian sinh trưởng ngắn, có thể trồng được nhiều vụ trong năm. Trong từng vụ do điều kiện thời tiết, khí hậu khác nhau, đậu tương sinh trưởng và phát dục cũng có phần khác nhau do đó dẫn đến năng suất, sản lượng khác nhau. Đậu tương có thể có các thời vụ gieo trồng trong năm như:

- Đậu tương vụ Đông: Gieo trồng vào mùa đông và thu hoạch vào mùa xuân. Trong quá trình sinh trưởng và phát dục, đậu tương vụ đông dễ gặp mưa, giá rét, sâu bệnh nên năng suất thường không ổn định, thất thường hơn các vụ khác.

- Đậu tương vụ Xuân: Gieo trồng vào vụ xuân, thu hoạch vào mùa hè. Bắt đầu từ tháng giêng, nhiệt độ cao dần và thường có mưa xuân. Đây là thời gian rất thuận lợi để gieo trồng đậu tương. Đậu tương sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện có mưa xuân, ra hoa, kết trái trước khi có gió Tây Nam khô nóng, đảm bảo cho vụ thu hoạch chắc chắn và năng suất cao.

- Đậu tương vụ Hè: Gieo trồng trong mùa hè, thu hoạch vào giữa hoặc cuối thu. Vụ này cây đậu tương sinh trưởng, phát triển trong thời tiết nắng, nóng, nếu như vào năm thời tiết thuận lợi có đủ nước, cây mọc khỏe, phát triển mạnh nhiều hoa, nhiều quả, hạt to, ít lép thì năng suất cũng đạt khá.

Cây đậu tương rất cần nhiệt độ cao mới sinh trưởng, phát dục tốt. Yêu cầu nhiệt độ lúc nảy mầm từ 10 - 20°C trở lên, đến lúc cây đã mọc cao thì có thể chịu đựng được rét ở nhiệt độ 8 - 10°C trong vài ngày. Nhưng nếu nhiệt độ quá cao (trên 30°C) và gặp gió Tây Nam hoạt động thì năng suất sẽ kém. Đậu tương rất mẫn cảm với ánh sáng. Thời gian chiếu sáng dài hay ngắn đến bộ lá có tác dụng rõ rệt đối với các thời kỳ sinh trưởng trước lúc ra hoa.

Độ ẩm cũng có tác dụng rất lớn đến quá trình sinh trưởng của cây đậu tương. Suốt thời gian sinh trưởng, đậu tương cần độ ẩm trong đất từ 70 - 80%.

Đậu tương có các loại: giống chín sớm, giống chín trung bình và giống chín muộn, mỗi giống có chu kỳ trưởng thành khác nhau. Ví dụ như giống chín sớm và trung bình thì sau 40 - 45 ngày kể từ ngày gieo đậu đã ra hoa còn giống chín muộn thì khoảng 60 - 65 ngày. Vì vậy khi

gieo trồng loại nào thì cần phải căn cứ vào đặc điểm của từng giống để có kế hoạch gieo trồng phù hợp, tạo điều kiện cả về nhiệt độ, ánh sáng cho cây sinh trưởng và phát triển tốt nhất.

Tổng nhiệt độ yêu cầu trong cả quá trình sinh trưởng của cây từ 1700 - 2300°C đối với giống chín sớm và trung bình có thời gian sinh trưởng 85 - 100 ngày. Đây là giống hiện nay đang được trồng nhiều ở nước ta và ở tỉnh Sơn La thuộc tiểu vùng Tây Bắc.

Bảng 1: Nhiệt độ thích hợp với cây đậu tương.

DK nhiệt độ	Nhiệt độ thấp nhất (độ C)	Nhiệt độ phát triển bình thường (độ C)	Nhiệt độ thích hợp nhất (độ C)
Các kỳ phát dục			
Gieo - mọc mầm	8 - 10	15 - 18	20 - 22
Phát dục	16 - 17	18 - 19	21 - 23
Ra hoa	17 - 18	19 - 20	22 - 23
Hình thành quả	13 - 14	18 - 19	21 - 23

Ở mỗi một giai đoạn phát triển khác nhau thì yêu cầu về nhiệt độ của đậu tương là khác nhau. Nhưng để tạo tiền đề cho kỳ phát dục, ra hoa, tạo quả tốt thì thời kỳ gieo - mọc mầm phải được thuận lợi, cây sinh trưởng phát triển tốt thì hiệu quả thu được sẽ cao hơn. Mỗi một vùng khác nhau có điều kiện khí hậu, thời tiết khác nhau nên cần phải biết rõ đặc điểm này để từ đó bố trí thời vụ gieo trồng sao cho đậu tương mọc mầm tốt và sinh trưởng thuận lợi.

III. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

CÂY ĐẬU TƯƠNG.

1. Thị trường.

a. Thị trường đầu ra.

Là nhân tố quan trọng nhất có ảnh hưởng quyết định đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá nói chung và sản xuất kinh doanh đậu tương nói riêng. Thông qua thị trường giá trị hàng hoá được thực hiện thông qua giá cả. Đậu tương là thực phẩm đáp ứng nhu cầu cho con người và các hoạt động sản xuất của người dân vì vậy nếu nhu cầu của con người ngày một tăng thì sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển. Nhưng nhu cầu của con người phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như giá cả, chất lượng... của sản phẩm. Nếu như giá đậu tương quá cao thì người tiêu dùng sẽ chuyển sang sử dụng các thực phẩm khác có giá trị dinh dưỡng tương đương. Hoặc ngày nay khi nền kinh tế càng phát triển thì nhu cầu sản phẩm chất lượng cao ngày càng tăng đòi hỏi sản phẩm đậu tương ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng trực tiếp cũng như phục vụ sản xuất.

Có thể nói đậu tương được xem là loại thực phẩm cao cấp vì vậy cầu của thị trường về sản phẩm đậu tương có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với giá cả và quan hệ tỷ lệ thuận với thu nhập người tiêu dùng. Và ngày nay xu hướng tiêu dùng sản phẩm từ đậu tương đang ngày một tăng, khả năng phát triển sản xuất đậu tương ở Việt Nam và thế giới là rất lớn tuy nhiên việc tăng khối lượng đậu tương sản xuất ra phải đi cùng với nâng cao chất lượng, giảm giá thành và phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản.

b. Thị trường các yếu tố đầu vào.

Thị trường yếu tố đầu vào có ảnh hưởng trực tiếp đến mặt cung sản phẩm đậu tương và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất đậu tương. Thị trường các yếu tố đầu vào như lao động, vốn, vật tư (giống, phân bón, hoá chất, dịch vụ...) càng phát triển và hoạt động có hiệu quả thì không những có thể đáp ứng tốt nhu cầu đầu vào của sản xuất đậu tương về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, thời điểm mà còn cả phương diện giá cả, góp phần nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

2. Các yếu tố tự nhiên.

a. Vị trí địa lý, địa hình, đất đai.

Vị trí địa lý của sản xuất đậu tương tác động trực tiếp đến việc tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm đậu tương và do vậy có thể tạo ra lợi thế hay bất lợi thế cạnh tranh cho một quốc gia, một vùng, một địa phương hoặc thậm chí một cơ sở sản xuất kinh doanh nào đó. Vùng sản xuất đậu tương nếu nằm gần thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng như thị trường cung cấp đầu vào, kết hợp với hệ thống giao thông đi lại thuận tiện không những cho phép giảm chi phí vận chuyển,

giảm chi phí sản xuất và chi phí tiêu thụ mà quan trọng hơn là còn cho phép thoả mãn nhu cầu của thị trường về chất lượng và thời điểm cung cấp.

Địa hình với các đặc điểm cơ bản về độ cao so với mặt nước biển, độ dốc, độ chia cắt sẽ có ảnh hưởng đến việc quy hoạch, bố trí vùng trồng đậu tương và ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích vùng trồng.

Đất đai là yếu tố hết sức quan trọng trong phát triển sản xuất cây đậu tương. Quỹ đất đai dồi dào cho phép có thể mở rộng diện tích các vùng trồng đậu tương để gia tăng sản lượng đậu tương cung cấp. Chất lượng đất đai với các loại đất khác nhau về thành phần cơ giới, về độ mùn, độ chua, độ đạm, lân và kali... sẽ cho phép phát triển các loại đậu tương khác nhau ứng với các mùa vụ khác nhau. Đồng thời chất lượng đất tác động đến sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng, đến năng suất và chất lượng đậu đỗ thu hoạch. Do vậy yếu tố đất đai cũng có thể mang lại lợi thế cạnh tranh nhất định cho người sản xuất kinh doanh đặc biệt là khi nó góp phần tạo ra hương vị khác biệt so với sản phẩm cùng loại khác.

b. Thời tiết, khí hậu.

Các đặc điểm của thời tiết khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm của không khí, chế độ gió, mưa, nắng, sương giá... có tác động trực tiếp đến sự sinh trưởng và phát dục của các loại đậu tương và do đó nó ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và thời vụ thu hoạch quả. Mỗi một vùng có các điều kiện thời tiết, khí hậu khác nhau và mỗi một giống, loại đậu tương cũng có yêu cầu khác nhau về nhiệt độ, độ ẩm. Vì vậy cần phải quan tâm đến yếu tố này trong việc lựa chọn quy hoạch vùng trồng, lựa chọn giống trồng phù hợp để đem lại hiệu quả sản xuất cao nhất.

c. Nguồn nước.

Mặc dù cây đậu tương là cây chịu hạn khá song nếu bị thiếu nước trong thời gian dài thì năng suất đậu tương sẽ bị giảm nhiều. Theo nghiên cứu của “Tổ chức Nông lương thế giới FAO” thì trong cả chu kỳ sinh trưởng, cây đậu tương cần từ 450 - 700 mm nước tương đương với 4500 - 7000 m³ nước cho 1 ha. Nhu cầu tưới nước của đậu tương thay đổi theo từng thời kỳ sinh trưởng, cao nhất là thời kỳ ra hoa và hình thành quả, hạt. Vì vậy nguồn nước và chế độ thủy văn các dòng sông, suối là những điều kiện quan trọng phải được xác định cho từng mùa vụ và từng tiểu vùng trong quy hoạch vùng trồng đậu tương.

3. Tiến bộ khoa học - công nghệ.

Trong bối cảnh sự cạnh tranh ngày càng gia tăng hiện nay thì sự tiến bộ khoa học công nghệ và việc ứng dụng chúng vào quá trình sản xuất trở nên quan trọng góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.

a. Công nghệ về giống.

Công nghệ nhân giống (nghiên cứu, lai tạo giống) có ảnh hưởng rất lớn đến số lượng, chất lượng và giá thành hạt giống sản xuất ra. Những tiến bộ về giống cho phép tạo ra các giống đậu tương cho hạt năng suất cao, thời vụ thu hoạch đa dạng, có khả năng thích ứng rộng hơn, phát triển trên những điều kiện khắc nghiệt, chu kỳ sản xuất nhanh hơn để có thể đa dạng hoá sản xuất, tăng vụ... Hiện nay, ở nước ta công tác nghiên cứu về giống đã được đầu tư và tiến bộ rất nhiều tạo ra nhiều giống đậu tương cho năng suất chất lượng cao, khả năng kháng bệnh tốt. Các trung tâm nghiên cứu nh: Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, Viện di truyền nông nghiệp, Đại học nông nghiệp I,...

b. Công nghệ sản xuất.

Công nghệ sản xuất đậu tương là hệ thống quy trình sản xuất các biện pháp kỹ thuật trong khâu trồng như làm đất, chọn mật độ trồng, kỹ thuật trồng, trong khâu chăm sóc như tưới nước, bón phân, kích thích sinh trưởng, phòng trừ sâu bệnh.. có tác động đến năng suất, chất lượng của đậu tương. Nếu như công nghệ sản xuất tiên tiến sẽ cho phép cây sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất cao hơn, có khả năng thích nghi với các điều kiện sinh thái khác nhau, sản phẩm tránh được hao hụt sau thu hoạch. Tuy nhiên để áp dụng thành công các biện pháp đó đòi hỏi người trồng đậu tương phải không ngừng học hỏi, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thực hiện, phải kết hợp giữa công nghệ truyền thống và công nghệ sản xuất tiên tiến một cách thích hợp nhất.

c. Công nghệ bảo quản và chế biến.

Công nghệ bảo quản có vai trò quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng sản phẩm sau thu hoạch. Nếu nh thu hoạch xong mà không có các biện pháp, cơ sở vật chất để bảo quản đậu tương. Khi chưa bán được ngay thì sẽ dẫn đến đậu tương bị hỏng, sản lượng bị hao hụt, chất lượng đậu tương giảm và giá trị của sản phẩm đậu tương theo đó giảm.

Công nghệ chế biến đậu tương có ảnh hưởng quan trọng đến sản xuất kinh doanh, công nghệ chế biến làm tăng giá trị sản phẩm đậu tương, cho phép đa dạng hóa các sản phẩm từ đậu tương phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn, phong phú, nó cũng cho phép kéo dài thời gian tiêu thụ đậu tương, cho phép vận chuyển đi xa và bảo quản dài ngày. Nhờ vậy công nghệ chế biến tác động tới hoạt động xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm từ đậu tương. Các phương pháp chế biến hiện nay gồm: chế biến thức ăn; chế biến thực phẩm cho con người như: sữa đậu nành, đậu phụ, tương,...; chế biến thức ăn cho gia súc; công nghiệp chế biến dầu ăn,...

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY ĐẬU TƯƠNG Ở
TỈNH SƠN LA.**

I. VỀ DIỆN TÍCH.

Do giá trị dinh dưỡng cao của đậu tương (cộng với vai trò ý nghĩa của nó trong hệ thống cây trồng) mà nhu cầu của người tiêu dùng trên thế giới ngày một tăng. Cộng thêm đó vai trò của cây đậu tương rất lớn trong hệ thống trồng trọt, nó lại dễ trồng nên để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cũng như để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp mà việc sản xuất đậu tương không ngừng gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Đậu tương được trồng ở 78 nước trên thế giới. Việt Nam có quy mô sản xuất đậu tương đứng thứ 6 trong khu vực châu Á sau Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Triều Tiên và Thái Lan.

Tỉnh Sơn La là một tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc, đã và đang thực hiện việc phát triển sản xuất cây đậu tương. Tận dụng các diện tích đất còn bỏ hoang hóa và khắc phục việc các cộng đồng dân tộc thực hiện việc canh tác không hiệu quả như việc đốt nương, chặt phá rừng,... Hậu quả của các việc làm ấy như lũ quét, đất đai bị sỏi mòn rửa trôi. Để hạn chế việc làm đó và giúp đỡ các đồng bào dân tộc có được việc làm đạt hiệu quả kinh tế thì việc phát triển cây đậu tương ở tỉnh là rất hợp lý. Cây đậu tương có thể chịu hạn và sinh trưởng trên đất nương rẫy có độ dốc 15 - 25°. Tuy nhiên cây đậu tương chịu mặn và chịu chua kém hơn nhiều cây trồng khác độ pH có thể phát triển bình thường được là từ 5,0 - 8,0, độ pH thích hợp nhất là 6,0 - 7,0. Hơn nữa trồng cây đậu tương mang lại việc cải tạo đất cũng như giữ đất tốt.

Bảng 2: Diện tích gieo trồng cây đậu tương của tỉnh Sơn La qua các năm theo vụ gieo trồng.

Vụ gieo trồng	Năm báo cáo	Diện tích đậu tương (ha)				So sánh cùng kỳ (%)		
		2009	2010	2011	2012	2010/2009	2011/2010	2012/2011
Vụ Đông	15/11	-	-	-	-	-	-	-
	15/12	-	-	-	-	-	-	-
	15/01	-	-	-	-	-	-	-
Vụ Xuân	15/02	-	35	-	75	-	-	-
	15/03	145	50	105	307	34,5%	210,0%	292,4%
	15/04	2168	4363	4010	2264	201,2%	91,9%	56,5%
Vụ Hè	15/05	3062	3428	4010		112,0%	117,0%	
	15/06	3062	3428	4010		112,0%	117,0%	
	15/07	1678	5215	6314		310,8%	121,1%	
Vụ Thu	15/08	5012	6757	7353		134,8%	108,8%	

	15/09	6742	6757	7353		100,2%	108,8%	
	15/10	-	-	-		-	-	

Nguồn: Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn.

Link: <http://www.agroviet.gov.vn/Pages/statisticreport.aspx?TabId=thongke#>

Bảng 3: Diện tích gieo trồng cây đậu tương và độ phát triển của tỉnh Sơn La cùng với cả nước.

Chỉ tiêu	Diện tích đậu tương (nghìn ha)					
	2006	2007	2008	2009	2010	Sơ bộ 2011
Cả nước	185,6	187,4	192,1	147,0	197,8	173,6
Trung du miền núi phía Bắc	62,9	62,2	65,3	63,0	59,8	
Sơn La	9,2	9,2	7,7	7,5	7,4	
		Độ phát triển (%)				
		2007/2006	2008/2007	2009/2008	2010/2009	2011/2010
Cả nước		101,0%	102,5%	76,5%	134,6%	87,8%
Trung du miền núi phía Bắc		98,9%	105,0%	96,5%	94,9%	
Sơn La		100,0%	83,7%	97,4%	98,7%	

Nguồn: CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN CÁC TỈNH

Link: <http://dlmn.csdlld.com/>

Qua các số liệu trên có thể thấy được rằng: Nếu xét theo mùa vụ thì diện tích cây đậu tương tăng nhanh qua các vụ, đặc biệt là gieo trồng nhiều vào vụ Hè, vụ Thu và vụ Xuân còn vụ Đông thì không trồng. Gây ảnh hưởng tới việc này có thể là do điều kiện khí hậu không cho phép vì Sơn La là một tỉnh vùng cao cũng chịu ảnh hưởng của gió mùa nên mùa Đông sẽ lạnh, cũng có thể do công thức luân canh khi đến vụ Đông sẽ trồng cây trồng khác như rau. Còn xét theo các năm thì diện tích gieo trồng cây đậu tương giảm đáng kể qua các năm, từ năm 2007 - 2010 giảm 1,8 nghìn ha tương đương giảm 19,57% . Với sự giảm thiểu diện tích của tỉnh thì vùng Trung du miền núi phía Bắc cũng giảm qua các năm. Vùng đã giảm 2,4 nghìn ha từ năm 2007 - 2010 tương đương giảm 3,86%. Tuy nhiên, không bị ảnh hưởng của sự giảm sút này thì cả nước ta có sự biến động qua các năm. Năm 2007 - 2008 diện tích tăng 4,7 nghìn ha tương đương tăng 2,51%, năm 2008 - 2009 diện tích giảm đáng kể 45,1 nghìn ha tương đương giảm 23,48%, năm

2009 - 2010 diện tích gieo trồng của cả nước đã tăng trở lại 50,8 nghìn ha tương đương tăng 34,56%. Trong giai đoạn 2007 - 2010 cả nước tăng 10,4 nghìn ha tương đương tăng 5,55%.

Nhìn chung thì diện tích gieo trồng cây đậu tương của tỉnh Sơn La và cả nước có xu hướng đối nghịch, tỉnh Sơn La thì giảm diện tích qua các năm mà lượng giảm cũng khá lớn còn cả nước thì diện tích gieo trồng có nhiều biến động thay đổi qua các năm nhưng xu hướng vẫn tăng.

II. VỀ SẢN LƯỢNG.

Bị ảnh hưởng bởi diện tích gieo trồng nên sản lượng của cây đậu tương cũng có xu hướng biến động giống với sự biến động của diện tích gieo trồng.

Bảng 4: Sản lượng cây đậu tương và độ phát triển của tỉnh Sơn La cùng với cả nước

Chỉ tiêu	Sản lượng đậu tương (nghìn tấn)				
	Năm	2007	2008	2009	2010
Cả nước		275,2	267,6	215,2	296,9
Trung du miền núi phía Bắc					
Sơn La		69,9	75,8	75,1	71,5
		11,5	10	10,1	9,2
		Độ phát triển (%)			
			2008/2007	2009/2008	2010/2009
Cả nước			97,2%	80,4%	138,0%
Trung du miền núi phía Bắc					
Sơn La			108,4%	99,1%	95,2%
			87,0%	101,0%	91,1%

Nguồn: CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN CÁC TỈNH

Link: <http://dlmn.csdlidd.com/>

Có thể thấy sản lượng cây đậu tương của tỉnh Sơn La biến động qua 3 năm 2008 - 2010 theo xu hướng giảm. Năm 2008 so với 2007 thì giảm 1,5 nghìn tấn tương đương giảm 13,04%. Năm 2009 so với 2008 thì tăng nhưng với lượng rất nhỏ là 0,1 nghìn tấn tương đương tăng 1%. Năm 2010 so với 2009 thì giảm 0,9 nghìn tấn tương đương giảm 8,91%. Sự biến động của sản lượng có thể là do ảnh hưởng của diện tích gieo trồng hoặc các yếu tố khác như giống, điều kiện khí hậu, thiên tai,... gây ảnh hưởng.

So với vùng Trung du miền núi phía Bắc thì tỉnh Sơn La cũng chiếm sản lượng lớn trong sản lượng của toàn vùng như năm 2007 chiếm 16,45% nhưng qua từng năm thì kết quả này lại giảm đáng kể, đến năm 2010 chỉ chiếm 12,87%.

Đối với tình hình sản lượng của cả nước thì hoàn toàn khác, cũng có sự giảm liên tiếp qua 2 năm là 2008 và 2009 nhưng tới 2010 lại đạt kết quả rất cao và đạt 296,9 nghìn tấn đậu tương. Tăng 37,96% so với năm 2009 tương đương tăng 81,7 nghìn tấn.

III. VỀ NĂNG SUẤT.

Nếu so với cây lúa, cây ngô và một số cây trồng khác thì đậu tương chưa có một viện chuyên nghiên cứu mặc dù đây là một cây trồng quan trọng cả về mặt kinh tế và mặt bảo vệ, cải tạo môi trường đất. Tuy nhiên từ 1986 đến nay, công tác nghiên cứu khoa học về cây đậu tương đã được quan tâm. Đến nay ở nước ta đã hình thành được mạng lưới tổ chức nghiên cứu về đậu tương trên toàn quốc. Chính vì vậy tạo ra được nhiều giống mới cho năng suất cao từng bước thúc đẩy sản xuất đậu tương phát triển.

Năng suất của cây trồng là đại lượng thể hiện rõ nhất sự phát triển của cây trồng đó. Đối với cây đậu tương cũng vậy, nó là một yếu tố chất lượng bao quát nhất thể hiện được sự phát triển của cây đậu tương. Như sự phát triển về giống, kỹ thuật canh tác, khoa học kỹ thuật,...

Bảng 5: Năng suất cây đậu tương và độ phát triển của tỉnh Sơn La cùng với cả nước

Chỉ tiêu	Năng suất đậu tương (tạ/ha)			
	2007	2008	2009	2010
Năm	14,7			
Cả nước	2	13,94	14,64	15,01
	11,2			
Trung du miền núi phía Bắc	4	11,61	11,92	11,96
Sơn La	12,50	12,99	13,47	12,43
		Độ phát triển (%)		
		2008/2007	2009/2008	2010/2009
Cả nước		94,7%	105,0%	102,5%
Trung du miền núi phía Bắc		103,3%	102,7%	100,3%
Sơn La		103,9%	103,7%	92,3%

Nguồn: CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN CÁC TỈNH

Link: <http://dlmn.csdlidd.com/>

Tỉnh Sơn La có năng suất trồng cây đậu tương khá ổn định và không có biến động nhiều trung bình đạt 12,85 tạ/ha. Năm 2010 so với 2009 năng suất giảm 1,04 tạ/ha tương đương giảm 7,7%.

So với vùng Trung du miền núi phía Bắc thì năng suất của tỉnh Sơn La nhìn chung vẫn cao hơn cả vùng. Còn so với cả nước thì vẫn thấp hơn như năm 2010 thấp hơn 2,58 tạ/ha.

Về năng suất của cả nước qua các năm thì cũng không có biến động nhiều trung bình vẫn đạt 14,58 tạ/ha.

Nhìn chung thì năng suất của cây đậu tương qua các năm của tỉnh, vùng và cả nước không có biến động nhiều. Nhưng so sánh giữa tỉnh, vùng và cả nước thì năng suất cả tỉnh Sơn La cao hơn của vùng nhưng vẫn thấp hơn cả nước.

Bảng 6: Tổng hợp số liệu từ bảng 3, 4 và 5.

Chỉ tiêu	Diện tích đậu tương (nghìn ha)			
	2007	2008	2009	2010
Năm	2007	2008	2009	2010
Cả nước	187	192	147	197,8
Trung du miền núi phía Bắc	62,2	65,3	63	59,8
Sơn La	9,2	7,7	7,5	7,4
	Sản lượng đậu tương (nghìn tấn)			
	2007	2008	2009	2010
Năm	2007	2008	2009	2010
Cả nước	275,2	267,6	215,2	296,9
Trung du miền núi phía Bắc	69,9	75,8	75,1	71,5
Sơn La	11,5	10	10,1	9,2
	Năng suất đậu tương (tạ/ha)			
	2007	2008	2009	2010
Năm	2007	2008	2009	2010
Cả nước	14,72	13,94	14,64	15,01
Trung du miền núi phía Bắc	11,24	11,61	11,92	11,96
Sơn La	12,50	12,99	13,47	12,43

Nguồn: CƠ SỞ DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN CÁC TỈNH

Link: <http://dlmn.csdltd.com/>

Sơn La là tỉnh có diện tích gieo trồng cây đậu tương chiếm phần lớn diện tích gieo trồng của cả vùng, đồng thời cũng đóng góp sản lượng đậu tương đáng kể. Hơn nữa năng suất cũng đạt ở mức cao.

Trung du miền núi phía Bắc là một trong bảy vùng kinh tế của cả nước, xếp thứ hai trong việc gieo trồng cây đậu tương và chỉ xếp sau Đồng bằng sông Hồng. Đóng góp sản lượng tương đối lớn vào cơ cấu cây trồng hàng năm cho cả nước.

Qua các số liệu có thể dự báo được rằng: Tỉnh Sơn La khó có thể trở thành một tỉnh chuyên môn hóa về cây đậu tương được. Vì qua các năm diện tích gieo trồng liên tục giảm, sản lượng của cây cũng giảm qua từng năm dẫn tới năng suất của cây đậu tương cũng không thay đổi nhiều, không có biến động lớn. Hơn nữa diện tích gieo trồng của cả nước qua từng năm cũng liên tục tăng, tuy có biến động năm 2009 làm giảm diện tích nhưng tới 2010 lại tiếp tục trên đà tăng trưởng. Sản lượng cũng bị ảnh hưởng bởi diện tích nên năm 2009 có giảm nhưng 2010 đã phục hồi tiếp tục phát triển. Như vậy, chuyên môn hóa cây đậu tương ở tỉnh Sơn La là

rất khó khăn bởi cả diện tích lẫn sản lượng của tỉnh đều xu hướng giảm nhưng của cả nước lại tăng. Điều này cho thấy chuyên môn hóa cây đậu tương là ở địa phương khác, có thể là tỉnh khác thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc hoặc các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng,

...

IV. CÁC GIỐNG ĐẬU TƯƠNG THÍCH HỢP.

Sơn La là tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc, mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa. Địa hình bị chia cắt nên mang nhiều kiểu khí hậu khác nhau, do đó mà các loại cây trồng cũng rất đa dạng và phong phú.

Bảng 7: Các loại giống thích hợp để gieo trồng ở Sơn La.

ST T	Tên giống Đậu tương	Thời gian sinh trưởng (ngày)				Khối lượng 1000 hạt (gram)	Năng suất trung bình (tạ/ha)		Vụ gieo trồng			
		Vụ Xuân	Vụ Hè	Vụ Thu	Vụ Đông		Vụ Xuân	Vụ Hè	Vụ Thu	Vụ Đông		
1	AK02	70 - 75	75 - 85	75 - 80		100 - 120	10 - 12		5/2 - 10/3	10/6 - 25/6	15/8 - 15/9	
2	VX9-3	90 - 95	100 - 105	-	90 - 95	140 - 150	12 - 15		15/2 - 25/2	5/6 - 10/7	-	15/9 - 25/9
3	AK03	80 - 85				125 - 130	13 - 15		25/2 - 10/3	5/6 - 10/7	-	25/8 - 10/9
4	M103	80 - 90				160 - 180	17 - 20		1/3 - 15/3	20/5 - 15/6	20/8 - 20/9	
5	AK05	98 - 105				130 - 150	13 - 15		5/2 - 20/2	-	-	15/9 - 30/9
6	ĐT80	90 - 100	90 - 95	-	-	130 - 140	14 - 16		20/3 - 5/4	15/5 - 10/6	-	-
7	VX9-2	90 - 100				140 - 150	13 - 16		15/2 - 25/2	-	-	15/9 - 25/9
8	ĐT93 (862)	75 - 85				125 - 140	12 - 14		1/3 - 15/3	25/5 - 15/6	-	20/9 - 5/10
9	DT94	90 - 96		-	88 - 92	140 - 150	15 - 20		15/2 - 15/3	25/5 - 30/6	-	15/9 - 30/9
10	DT95	93 - 106	-	-	90 - 98	150 - 160	22 - 27		15/2 - 15/3	25/5 - 30/6	-	15/9 - 30/9
11	Đ 96-02	100 - 110	-	-	95 - 100	-	Vụ Xuân 21 - 27	Vụ Đông 18 - 21	15/2 - 5/3	15/7 - 15/8	-	15/9 - 5/10
12	DT84	85 - 90				160 - 220	15 - 35		20/2 - 15/4	25/5 - 15/7	-	-
13	DT90	90 - 100				180 - 220	18 - 30		20/2 - 15/4	25/5 - 15/7	-	-
14	DT96	90 - 95				190 - 220	18 - 32		20/2 - 15/4	25/5 - 15/7	-	-
15	DT99	70 - 80				150 - 170	14 - 23		20/2 - 15/4	25/5 - 15/7	-	-
16	DT2001	88 - 100				-	22 - 40		20/2 - 15/4	25/5 - 15/7	-	-

Nguồn: 575 Giống cây trồng nông nghiệp mới, TS. Phạm Đồng Quảng, NXB. Nông Nghiệp, Năm 2008.

V. ĐẤT ĐAI, ĐỊA HÌNH.

Tỉnh có địa hình cao, dốc lớn và chia cắt mạnh nhất trong cả nước, có độ cao, trung bình từ 600 - 700m. Tỉnh có hướng dốc chính là Tây Bắc - Đông Nam với nhiều núi non hiểm trở.

Tỉnh có 3 dạng địa hình chính:

❖ Địa hình núi cao:

Có độ chia cắt mạnh, giao thông đi lại rất khó khăn. Độ dốc trung bình trên 25° theo hướng dốc chính Tây Bắc - Đông Nam. Thảm thực vật trong vùng chủ yếu là rừng tự nhiên, độ che phủ khá. Khả năng khai thác đất đai trong vùng này phục vụ mục đích nông nghiệp là rất hạn chế.

❖ Địa hình đồi núi thấp.

Độ dốc từ 3° - 25° theo hướng dốc chính Tây Bắc - Đông Nam. Thảm thực vật trong tỉnh không còn nhiều, một phần đất rừng đã bị khai thác tạo thành vùng đất trống. Một phần vẫn còn là rừng tự nhiên cần được bảo vệ và một phần đồi núi thấp hiện đã được các đồng bào dân tộc trong tỉnh khai thác để trồng lúa nương, ngô và cây rừng. Độ che phủ của địa hình này không cao. Khả năng khai thác đất đai vùng này cho sản xuất nông nghiệp nói chung và cho phát triển sản xuất đậu tương là không nhiều.

❖ Địa hình thung lũng bằng phẳng.

Có địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc từ 0 – 3°, ít bị chia cắt, ngoài ra còn nhiều thung lũng nhỏ hẹp, thung lũng đá vôi và vùng đất thấp, thoải, lượn song,... Vùng này hầu hết được khai thác để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, khả năng khai thác mở rộng quy mô sản xuất đậu tương ở vùng này còn nhiều.

Do có cả địa hình núi, đồi, thung lũng bằng phẳng nên tỉnh Sơn La có nhiều loại đất khác nhau, có thể nói là đa dạng nhất trong cả nước. Trong tỉnh có 11 nhóm đất với 38 loại đất chính trong đó có nhiều nhóm đất thích hợp với trồng đậu tương, 11 nhóm đất trong tỉnh gồm: Nhóm đất cát, nhóm đất mặn, nhóm đất phèn, nhóm đất phù sa, nhóm đất lầy và than bùn, nhóm đất xám bạc màu, nhóm đất đen, nhóm đất đỏ vàng, nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi, nhóm đất thung lũng và nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá.

Nhìn chung có thể thấy rằng khả năng mở rộng sản xuất nông nghiệp nói chung và phát triển sản xuất đậu tương nói riêng của tỉnh tập trung chủ yếu ở vùng địa hình thung lũng bằng phẳng và một phần vùng địa hình đồi núi thấp. Và khả năng mở rộng diện tích là rất lớn với hệ thống đất phong phú, đa dạng.

VI. LOẠI ĐẤT GIEO TRỒNG.

Cây đậu tương thường được trồng ở nhiều chân đất khác nhau chân đất rất xấu, đất xám và xám bạc màu, tới những chân đất rất tốt như đất phù sa hay đất nâu, nâu đỏ, đất đen phát triển trên bazan. Qua đây cũng cho thấy yêu cầu khác nhau của chúng đối với đất. Từ đó lượng phân bón khuyến cáo dùng cho cây đậu tương là: Phân chuồng: 5 - 8 tấn/ha (ở miền Bắc); Vôi bột: 300 - 500 kg/ha; Phân đạm: 20 - 40kg N/ha; Phân lân: 25 - 60kg P₂O₅/ha; Kali: 50 - 90kg K₂O/ha.

Vôi bột và phân chuồng thường được bón lót, trộn hoặc vùi vào đất. Phân chuồng nên được bón trước khi trồng 1 tháng. Vôi nên bón trước khi cày lần 1 (trước trồng). Các loại phân khoáng còn lại có thể bón 1 lần lúc cây mới mọc đều. Rạch 1 rãnh sâu chừng 10 cm, cách hàng 12 cm, bón rải đều phân theo rãnh sau đó lấp bằng đất.

Tuy nhiên tùy từng chân đất khác nhau, khí hậu của từng địa phương sản xuất mà kỹ thuật bón cũng phải khác nhau. Nếu trồng trên đất phù sa đất thường tốt, nhiều dinh dưỡng thì cần bón phân ít, sau đó đến đất đỏ vàng vùng đồi núi, đối với đất bạc màu và đất cát pha cần bón nhiều nhất.

VII. **VỤ GIEO TRỒNG, LUÂN CANH VÀ CÁCH XEN CANH GÓI VỤ TĂNG NĂNG SUẤT.**

1. Vụ gieo trồng.

Vụ Xuân: Gieo 20/2 - 15/3. Thu hoạch 1/6 - 15/6.

Vụ Hè Thu: Gieo 25/5 - 30/7. Thu hoạch tháng 8 - 10.

Vụ Thu Đông: Gieo trước 30/9. Thu hoạch 15 - 30/12.

2. Luân canh.

❖ Cây đậu tương trồng liên tiếp không có lợi vì:

+ Rễ cây đậu tương thường tiết ra một loại axit không có lợi cho rễ và vi sinh vật phát triển.

+ Mất cân đối về dinh dưỡng trong đất, thường lân bị hút nhiều, nên dẫn tới tình trạng không khôi phục kịp thời và đầy đủ cho cây sử dụng.

+ Tàn dư sâu bệnh được lan truyền từ vụ này sang vụ khác.

❖ Cho nên đậu tương thường được trồng luân canh với cây trồng khác và có lợi rất nhiều mặt.

+ Rễ có nốt sần cố định được đạm không những cung cấp cho cây đậu tương mà còn để lại trong đất cho cây trồng sau.

+ Thân và lá có hàm lượng dinh dưỡng khá cao, do vậy để lại trên ruộng làm tăng chất mùn, làm thay đổi lý tính của đất.

+ Tránh được sâu bệnh lây lan từ vụ trước để lại.

❖ Các công thức luân canh phổ biến cho cây đậu tương:

+ Đậu tương xuân - lúa mùa sớm - cây vụ đông.

+ Ngô xuân (khoai lang ngắn ngày) - đậu tương hè thu - cây vụ đông

+ Lúa xuân - lúa mùa sớm - đậu tương đông

❖ Một số công thức tăng vụ:

+ Ngô đông xuân - đậu tương hè - lúa mùa - rau vụ đông

+ Lúa xuân - đậu tương hè - lúa mùa - cây vụ đông

3. Trồng xen.

Là đem 2 loại cây trồng không có cùng thời gian sinh trưởng nhưng có cùng thời vụ gieo trồng đem gieo xen với nhau theo hàng, theo hốc hoặc theo băng. Nhân dân ta thường có kinh nghiệm trồng xen đậu tương với nhiều cây trồng khác nhưng chủ yếu đối với ngô. Trồng xen đậu tương với ngô là một loại công thức canh tác hợp lý, biết sử dụng tốt đặc tính của các cây.

+ Bộ rễ ngô là rễ chùm ăn rộng và sâu còn đậu tương ăn tương đối nông và không lan rộng sử dụng hữu hiệu nguồn dinh dưỡng.

+ Tận dụng khả năng sử dụng ánh sáng, phối hợp một cây có thân cao bộ lá lớn chịu cường độ ánh sáng mạnh với một cây có thân lá thấp, lá nhỏ, chịu cường độ ánh sáng yếu.

+ Phối hợp được quan hệ dinh dưỡng giữa cây yêu cầu đạm nhiều như ngô với cây yêu cầu lân nhiều như đậu tương.

+ Ngô chịu được hạn còn đậu tương chịu được ẩm.

❖ Kỹ thuật trồng xen đậu tương với ngô.

- Thời vụ: Không nên xen với ngô Đông Xuân gieo tháng 11 - 12 mà xen với ngô Xuân gieo tháng 2 - 3.
- Giống: Dùng các giống chín sớm và chín trung bình, tương đối thấp cây, tán gọn để trồng trong hàng ngô: Có thể dùng giống Cúc, M103, ĐH4, DT84, DT99 vv...
- Cách xen: Xen một hàng đậu tương giữa 2 hàng ngô khoảng cách 2 hàng ngô: 70cm, đậu tương gieo thành hàng cây cách cây 5 - 6cm hoặc thành hốc 15 - 20cm/hốc có 3 - 4 cây (hoặc 2 hàng ngô khoảng cách 80cm giữa gieo 2 hàng đậu tương cách nhau 15 - 20cm).

Ngược lại ta có thể trồng xen ngô với đậu tương theo tỉ lệ từ 5000 - 10000 cây ngô/ha đậu tương. Đậu tương vẫn được gieo với mật độ bình thường nhưng gieo xen 1 cây ngô/2m² hoặc 1 cây ngô/1m² đậu tương.

4. Trồng gối.

Là đem cây trồng sau gieo gôì vào cuối thời kỳ sinh trưởng của cây trồng trước. Trồng gôì có ưu điểm hơn trồng xen là khi cây đậu tương ra hoa cần cường độ ánh sáng mạnh lúc này cây trồng trước đã thu hoạch tạo điều kiện cho cây đậu tương quang hợp. Đậu tương có thể trồng gôì với các đối tượng như trồng xen. Ví dụ như ngô, khoai lang, các cây hoa màu khác. Nhược điểm của trồng xen gôì là khó làm, khó chăm sóc và cơ giới.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐẬU TƯƠNG Ở TỈNH SƠN LA.

Một trong những giải pháp chủ yếu để phát triển đậu tương có hiệu quả là công tác giống. Cần nghiên cứu, lai tạo, chọn lọc, phục tráng và khảo nghiệm để đưa ra các giống đậu tương mới năng suất cao (30 - 40 tạ/ha), thích ứng với đất đai, điều kiện sinh thái, phù hợp với tập quán canh tác của vùng. Đồng thời phải có chất lượng sản phẩm tốt, dễ tiêu thụ.

Trước mắt phổ biến cho nhân dân trong vùng sử dụng các giống đậu tương sau phù hợp với từng vụ:

- Đậu tương trồng vụ hè trên đất ba vụ thì sử dụng giống ngắn ngày như:

+ Giống ĐT93 - có thời gian sinh trưởng 75 - 78 ngày.

+ Giống ĐT99 - có thời gian sinh trưởng 73 - 75 ngày.

+ Giống ĐT12 - có thời gian sinh trưởng 75 - 80 ngày.

- Vụ xuân có thể trồng nhiều loại giống đậu tương như AK 04, AK 05, AK 06, VX 9-2, ĐT92, ĐT93, ...

- Vụ hè trên đất 1 – 2 vụ, sử dụng các giống ĐH4, M103, AK06, ĐT93...

Khuyến khích các cơ quan sản xuất giống đậu tương, tạo sự đồng bộ giữa nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và quản lý Nhà nước về giống, đảm bảo có giống tốt đến tay người tiêu dùng, tránh sử dụng giống ngoài luồng, chất lượng kém. Nâng cấp và tạo thêm các cơ sở nhân giống trong vùng cung ứng giống theo hướng CNH – HĐH. Có chính sách trợ giá (hỗ trợ giống) cho người nông dân đối với một số vùng nghèo.

Để đạt được năng suất đậu tương cao ngoài việc sử dụng các loại giống mới năng suất cao phù hợp với từng mùa vụ và từng vùng sinh thái ở trên thì trong sản xuất đậu tương cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp thâm canh đậu tương. Cụ thể.

- ❖ Về mùa vụ trồng: Tùy từng chân đất sử dụng trồng đậu tương ở các vùng mà có mùa vụ gieo trồng phù hợp, kết hợp với các công thức luân canh sao cho đạt giá trị sản lượng, hiệu quả cao nhất trên 1 ha. Song cần tập trung phát triển vụ đậu tương xuân hè và hè thu, đây là hai mùa vụ có điều kiện cho năng suất cao.
- ❖ Mật độ trồng: Trên cơ sở điều tra các mô hình sản xuất tiên tiến cho thấy mật độ trồng đậu tương thích hợp đối với tỉnh như sau:
 - Vụ hè thu mật độ trồng 30 – 35 vạn cây/ha.
 - Vụ xuân hè mật độ trồng 35 – 40 vạn cây/ha.
 - Vụ đông có mật độ trồng 50 – 60 vạn cây/ha.

Nếu áp dụng được mật độ trồng thích hợp sẽ giúp cây sinh trưởng phát triển tốt, cạnh tranh để sinh tồn.

- ❖ Về phân bón: Qua điều tra tại các địa phương và kết quả sản xuất ở các mô hình đối với từng giống đậu tương, trên từng loại đất khác nhau ta rút ra được lượng phân bón thích hợp cho đậu tương như sau:
 - Trên đất có độ phì khá thì bón: N : P : K = 20 : 40
 - Trên đất có độ phì trung bình: N : P : K = 30 : 60 : 40.
 - Trên đất có độ phì kém: N : P : K = 0 : 80 : 60.

Để đảm bảo canh tác bền vững, trên các loại đất cần bón lót phân chuồng hoai mục với số lượng khoảng 5 – 8 tấn/ha tùy theo từng hộ.

- ❖ Về nước tưới: Đậu tương ở tỉnh Sơn La hầu hết là không có điều kiện tưới, phần lớn người dân đều dựa vào tự nhiên vì vậy trước mắt nên bố trí thời vụ sao cho tận dụng tốt nhất lượng nước mưa và độ ẩm tự nhiên, nhất là đậu tương vụ hè thu. Nhưng về lâu dài và để phát triển một nền nông nghiệp bền vững nói chung và phát triển sản xuất cây đậu tương nói riêng thì cần phải có hệ thống thủy lợi, nước tưới cung cấp cho sản xuất trồng trọt nhất là phải có các kỹ thuật tưới nước cho đậu tương vào các thời kỳ cần nước nhất để đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng phát triển được, cho năng suất cao (Giai đoạn nảy mầm – cây con và giai đoạn ra hoa – làm quả).
- ❖ Phòng trừ sâu bệnh: Trong những năm qua, sâu bệnh phá đậu tương trong vùng tuy không lớn, tuy nhiên để đảm bảo sản xuất đậu tương ổn định cần phải làm tốt công tác phòng trừ sâu bệnh bằng cách xử lý giống trước khi gieo, chọn giống kháng bệnh phát

hiện sâu bệnh sớm, áp dụng các biện pháp phòng trừ tổng hợp, phun thuốc khi có điều kiện xảy ra, không để dịch bệnh xảy ra. Nhưng có thể nói rằng công tác phòng trừ dịch bệnh cho đậu tương chưa được nông dân trong vùng chú trọng quan tâm và nhận thức về sâu bệnh, phòng dịch chưa được cao. Vì vậy cần phải có cách thức hướng dẫn, phổ biến bà con có kiến thức về sâu bệnh và phòng trừ dịch bệnh. Ví dụ như có thể áp dụng rộng rãi phương pháp phòng trừ dịch bệnh tổng hợp (IPM) trong sản xuất đậu tương.

PHẦN C: KẾT LUẬN

Tỉnh Sơn La là một tỉnh có diện tích tự nhiên tương đối lớn, nhưng không khai thác hết được hiệu quả của đất đai. Vì vậy cần có các chính sách phát triển, tuyên truyền cho người dân về lợi ích kinh tế cao của cây đậu tương mang lại. Khuyến khích hộ nông dân sản xuất đậu tương cũng có nghĩa là phải tạo cho hộ nông dân lòng tin vào hiệu quả cao của sản xuất kinh doanh, người nông dân yên tâm đầu tư vốn vào sản xuất thông qua việc tăng diện tích gieo trồng, đầu tư vốn vào quy trình sản xuất kinh doanh.

Các chính sách đó như: chính sách trợ giá giống tiến bộ kỹ thuật; phải có chính sách về giá sàn đối với đậu tương và chính sách trợ giá cho người dân sản xuất đậu tương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 575 Giống cây trồng nông nghiệp mới, TS. Phạm Đồng Quang, NXB. Nông Nghiệp, Năm 2008.
2. Báo cáo tốt nghiệp: Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất cây đậu tương ở Trung du miền núi Bắc Bộ. Link: <http://www.atheenh.com/luan-van/Thuc-trang-va-mot-so-giai-phap-nham-phat-trien-san-xuat-cay-dau-tuong-o-Trung-du-mien-nui-Bac-Bo-127469>

3. Dự án qui hoạch sử dụng hiệu quả đất nương rẫy vùng TDMNPB.
4. Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật trồng đậu tương xuân trên đất dốc ở tỉnh Cao Bằng.
5. Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống đậu tương nhập nội và biện pháp kỹ thuật cho giống có triển vọng tại Thái Nguyên.
6. So sánh năng suất một số giống đậu tương trong điều kiện vụ Xuân hè tại thành phố Sơn La và các vùng phụ cận.
7. Giáo trình Cây đậu tương, Trần Văn Điền, NXB. Nông Nghiệp, Năm 2007.
8. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Link: <http://www.agroviet.gov.vn/Pages/home.aspx>
9. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp nông thôn các tỉnh. Link: <http://dlmn.csdlidd.com/?page=home>
10. Tổng cục thống kê. Link: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=217>
11. Niên giám thống kê năm 2010.
12. Tóm tắt niên giám thống kê 2011. Link: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=12405>
13. Vụ kế hoạch. Link: <http://vukehoach.mard.gov.vn/default.aspx?bando>